TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Lê Quang Xẹt.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Trần T, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Số nhà 214, ấp A1, xã A, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: Số 1C, đường L, khu phố 1, Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Số nhà 691, ấp T 1, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: Số nhà 75, tổ 3, ấp 2, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Trần T trình bày:

Bà Huỳnh Thị Trần T và ông Trần Văn K tự nguyện tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2010. Bà T và ông K có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 27/02/2010. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà của gia đình ông K, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn (khoảng năm 2014). Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, tính tình không hợp, ông K không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột, đôi lúc xảy ra xô xát. Vợ chồng và gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống và chăm lo cho con nhưng không có kết quả. Đến khoảng tháng 08/2018, bà T và ông K không còn sống chung với nhau, ông K chuyển về sống ở xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bà T chuyển về sống ở Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà T và ông K có với nhau một con chung tên Trần Bích V, sinh ngày 16/5/2011. Hiện tại, cháu V đang sinh sống cùng bà T, từ khi bà T và ông K không còn chung sống cùng nhau, bà T một mình nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, ông K không thăm nom, cấp dưỡng nuôi con.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên là Trần Bích V, sinh ngày 16/5/2011 và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, đã có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt vì lý do công việc không thể tham gia phiên tòa.

Bị đơn ông Trần Văn K đã được đã được Tòa án tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng và triệu tập làm việc, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng ông K không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,.

Theo biên bản xác minh ngày 09/6/2019, tại Công an xã Vĩnh Tân, thị xã T, tỉnh Bình Dương: Ông Trần Văn K, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng có đăng ký tạm trú và hiện nay vẫn sinh sống tại địa chỉ: Số 75, tổ 3, ấp 2, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tống đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung: Bà Huỳnh Thị Trần T và ông Trần Văn K tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân của bà T và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà T và ông K đã sống ly thân từ năm 2018. Bà T yêu cầu

ly hôn ông K là có căn cứ. Hiện nay, cháu Trần Bích V, sinh ngày 16/5/2011 đang sống cùng với bà T, được chăm sóc, giáo dục tốt và cháu Vân có nguyện vọng sống với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng là phù hợp. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn K có địa chỉ cư trú tại xã Vĩnh Tân, thị xã T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Trần T, ông Trần Văn K tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 27/02/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mẫu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Bà T và ông K đã sống ly thân từ năm 2018, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông K để làm việc, tham gia hòa giải nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do thể hiện ông K không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông K đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu ly hôn với ông K là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung tên Trần Bích Vân, sinh ngày 16/5/2011. Hiện tại, cháu V đang sống với bà T, điều kiện chăm sóc, giáo dục được đảm bảo và cháu Vân có nguyện vọng sống cùng với bà T khi cha mẹ ly hôn. Do đó, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận. Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Trần T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Trần T đối với ông Trần Văn K về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Trần T được ly hôn với ông Trần Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Bích V, sinh ngày 16/5/2011 cho bà Huỳnh Thị Trần T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Huỳnh Thị Trần T và ông Trần Văn K đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Trần T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0036809 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- UBND xã A, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga